

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 07/2026/TLST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn

+ Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Duy T, Trưởng phòng xử lý nợ
KHCN MB3

Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Phạm Tất T1, chuyên viên xử lý nợ

+ Công ty Cổ phần M1 (M)

Địa chỉ: tầng A Tòa nhà V, số I D, phường C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật : ông Bùi Công T2, Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền : ông Nguyễn Quốc T3, Phó Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền lại : ông Lê Thanh B, ông Nguyễn Mạnh T4,
bà Vũ Thị Thu H, đều là chuyên viên xử lý nợ

- Bị đơn : ông Tô Văn B1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963, địa chỉ : xóm 11A, xã Định Hóa, tỉnh Ninh Bình

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ còn phải thanh toán:

- Tổng số tiền nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2301068079871 (tương đương LD2401600575) ký kết ngày 16/01/2023 giữa ông Tô Văn B1, bà Nguyễn Thị N đối với V1.

Tính đến hết ngày 21/5/2026, ông Tô Văn B1, bà Nguyễn Thị N còn nợ V1 và M tổng số tiền là 1.307.831.760 đồng, trong đó: nợ gốc số tiền 929.711.587 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả số tiền 378.120.173 đồng. Cụ thể:

- Ông Tô Văn B1, bà Nguyễn Thị N phải trả cho V1 (5%) tổng số tiền là 65.391.588 đồng trong đó nợ gốc số tiền là 46.485.579 đồng; nợ lãi và lãi chậm trả số tiền 18.906.009 đồng.

- Ông Tô Văn B1, bà Nguyễn Thị N phải trả cho M (95%) tổng số tiền 1.242.440.172 đồng trong đó nợ gốc số tiền là 883.226.008 đồng; nợ lãi và lãi chậm trả số tiền 359.214.164 đồng.

2.2. Về phương thức thanh toán:

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày 22/5/2026, ông Tô Văn B1, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán xong toàn bộ số nợ nêu trên cho V1. Kể từ ngày 22/5/2026 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ, ông Tô Văn B1, bà Nguyễn Thị N phải chịu lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trước đây đã ký kết với ngân hàng.

Trường hợp ông Tô Văn B1, bà Nguyễn Thị N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V1 và M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản ông B1, bà N đã thế chấp cho các khoản vay để thu hồi nợ. Cụ thể là quyền sử dụng đất tại thửa số 60 tờ bản đồ số 10 (nay là thửa số 60, tờ bản đồ số 55), địa chỉ: xóm A, xã Đ, tỉnh Ninh Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG047973 mang tên hộ ông Tô Văn B1 và bà Nguyễn Thị N theo Hợp đồng thế chấp số 8079871 ngày 13/01/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh N1 với vợ chồng ông Tô Văn B1, bà Nguyễn Thị N

Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm khi kê biên phát mại không đủ thanh toán toàn bộ nợ cho V1 thì V1 và M được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông B1, bà N để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ cho V1 và M.

2.3. Về án phí:

- Miễn án phí cho ông Tô Văn B1 và bà Nguyễn Thị N

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 2.112.000đ (hai triệu một trăm mười hai nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001485 ngày 22/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

- Trả lại cho Công ty Cổ phần M1 số tiền tạm ứng án phí 30.076.000đ (ba mươi triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001432 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự; người đại diện;
- VKSND Khu vực 4 – Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trịnh Thị Hoài Thu